

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày 04 - 9 - 2020

*V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Quốc Chinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Thanh Nhung

Bà Phạm Bích Loan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông Trần Dương Công – C/v kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 09 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 166/2020/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 07 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 08 năm 2020.

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H – SN: 1966

Địa chỉ: Thôn 06, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Phan Thị Đ – SN: 1969

Địa chỉ: Thôn 06, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/07/2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, và lời khai tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Ông H và bà Phan Thị Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1986 tại ấp C, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau, ông và bà Đ có làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục tập quán, mời dân làng, hai bên họ hàng đến dự lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đến năm 1998 vợ chồng ông chuyển về quê vợ tại ấp B, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre sinh sống, sau đó đến năm 2005 chuyển đến thôn 06, xã I, huyện E, tỉnh Đắk Lắk sinh sống đến nay nhưng vẫn không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông và bà Đ chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu và đã có với nhau 03 con chung Nguyễn Văn T – SN: 1990, Nguyễn Văn L – SN: 19/09/1995, Nguyễn Thị C – SN: 19/07/1996, nhưng về sau vợ chồng tính tình không hợp nhau, thường hay cãi nhau, bất đồng trong quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, Đến tháng 01 năm 2010 bà Phan Thị Đ mang theo

03 con chung bỏ nhà đi từ đó đến nay không về ông đã đi tìm kiếm bà Đ nhiều nơi, bằng nhiều biện pháp nhưng cũng không ai biết tin tức của bà Đ. Ông đã làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Đ mất tích. Ngày 10/3/2015 Tòa án nhân dân huyện E đã ra Quyết định giải quyết việc dân sự số: 01/2015/QĐST-VDS, tuyên bố bà Phan Thị Đ mất tích. Nay ông thấy tình cảm giữa ông và bà Đ không còn nữa nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Phan Thị Đ.

Về con chung: Ông và bà Đ có 03 con chung là Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị C, hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật, ông với bà Đ cũng không có con nuôi, con riêng nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Phan Thị Đ ngày 10/3/2015 Tòa án nhân dân huyện E ra Quyết định giải quyết việc dân sự số: 01/2015/QĐST-VDS tuyên bố bà Phan Thị Đ mất tích theo đơn yêu cầu của ông Nguyễn Văn H. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại UBND xã I, tại nhà bà Đ và tại Tòa án huyện Ea Súp nhưng bà Đ vẫn không có mặt.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 18 tháng 08 năm 2020 nguyên đơn đã được tiếp cận, thống nhất với chứng cứ đã được công khai và không thay đổi bổ sung đơn khởi kiện hay nộp chứng cứ gì mới, không yêu cầu triệu tập đương sự khác đến tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, nguyên đơn không có ý kiến tranh luận gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 98, 175, 176, 197, 198, 204 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận đơn khởi kiện của ông H, xử cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Phan Thị Đ. Về con chung đều đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật gì, tài sản, công nợ ông H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn Văn H và bà Phan Thị Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1986, có làm thủ tục cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú. Mặc dù vậy, nhưng ông H, bà Đ về chung sống với nhau trước ngày 03/01/1987, điều này đã được UBND xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau xác nhận. Tại điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình thì quan hệ vợ chồng của ông H, bà Đ được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn. Trong trường hợp này ông H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Phan Thị Đ nơi cư trú cuối cùng thôn 06, xã I, huyện E, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục: Đối với bị đơn bà Phan Thị Đ ngày 10/3/2015 Tòa án nhân dân huyện E ra Quyết định giải quyết việc dân sự số: 01/2015/QĐST-VDS tuyên bố bà Phan Thị Đ mất tích theo đơn yêu cầu của ông H. Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử tại UBND xã I, tại nhà bà Đ và tại Tòa án huyện Ea Súp nhưng bà Đ vẫn không có mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H, bà Đ tính tình không hợp nhau, thường hay cãi nhau, bất đồng trong quan điểm sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, Đến tháng 01 năm 2010 bà Phan Thị Đ mang theo 03 con chung bỏ nhà đi từ đó đến nay không về. Xét tình cảm, hạnh phúc của ông H, bà Đ không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình, khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn ly hôn của ông Nguyễn Văn H là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông H và bà Đ có 03 con chung là Nguyễn Văn T – SN: 1990, Nguyễn Văn L – SN: 19/09/1995, Nguyễn Thị C – SN: 19/07/1996, hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi, theo xác nhận của chính quyền địa phương khi các cháu còn cư trú thì các cháu hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật, ông H, bà Đ cũng không có con nuôi, con riêng, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản và công nợ: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn H chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 235, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật hôn nhân gia đình;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn H, xử cho ông Nguyễn Văn H được ly hôn với bà Phan Thị Đ.

Về con chung: Ông H và bà Đ có 03 con chung là Nguyễn Văn T – SN: 1990, Nguyễn Văn L – SN: 19/09/1995, Nguyễn Thị C – SN: 19/07/1996, hiện nay các cháu đã trên 18 tuổi, hoàn toàn khỏe mạnh, không có bệnh tật, ông với bà Đ cũng không có con nuôi, con riêng, ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ: Ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn H phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E theo biên lai thu số 0011890 ngày 22/7/2020.

Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Ea Súp;
- Chi cục THA huyện E;
- UBND xã I;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

(Đã ký)

Lưu Quốc Chính